

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MÙ CANG CHẢI  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 11 - 2022.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lý A Hờ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. ông Hoàng Quang Trung ;  
2. bà Bùi Minh Nguyệt;

***- Thư ký phiên toà:*** ông Đào Bá Đạt, Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh B tham gia phiên toà:*** ông Đoàn Xuân Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/ TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** anh Hảng A C, sinh năm 1994; Trú tại: bản H, xã P, huyện C, tỉnh B- vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

***- Bị đơn:*** chị Giàng Thị S, sinh năm 1996; Nơi ĐKNKTT: bản H, xã P, huyện C, tỉnh B- vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện, các biên bản ghi lời khai trong quá trình tham gia tố tụng anh Hảng A C trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Giàng Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, đến ngày ngày 09/9/2016 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh B. Trong thời gian chung sống anh C và chị S không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên đến năm 2018 chị S đã bỏ nhà ra đi, đến nay không về, thi thoảng mới gọi điện về hỏi thăm gia đình và các con, anh C có hỏi hiện

đang ở đâu thì để anh C đi đón nhưng chị S không cho biết, chỉ nói là không về nữa, anh C muốn lấy ai thì lấy. Nay anh C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy anh C đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với chị Giàng Thị S.

Về con chung: có 02 con chung là Hằng A C sinh ngày 04/4/2016 và Hằng Thị S sinh ngày 29/11/2014, hiện các con đang ở cùng với anh C tại nơi cư trú, ly hôn anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu, không đề nghị chị S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, đề nghị chị S trình bày ý kiến của mình và tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử. Tuy nhiên chị S đều vắng mặt không có lý do.

**Tại biên bản xác minh ngày 25/10/2022 tại UBND xã P thể hiện:**

Anh C và chị S có mối quan hệ hôn nhân và con chung như anh C đã trình bày trong thời gian chung sống anh C và chị S có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, chính quyền địa phương đã được hòa giải; nay chị S không có mặt tại địa phương, thi thoảng mới gọi điện về cho con và gia đình, người nhà cũng như chính quyền địa phương có hỏi về địa chỉ cụ thể nhưng chị S không cho biết; về điều kiện nuôi con mặc dù anh C không có việc làm ổn định nhưng vẫn có nhà cửa, ruộng, nương bảo đảm việc nuôi dạy hai con chung.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:**

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh B đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được thông báo, triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, xử cho anh C được ly hôn chị S.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định để anh C được trực tiếp nuôi dưỡng Hằng A C sinh ngày 04/4/2016 và Hằng Thị S sinh ngày 29/11/2014, chị S không ai phải cấp dưỡng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Hằng A C khởi kiện xin ly hôn, chị Giàng Thị S có hộ khẩu thường trú tại bản H, xã P, huyện C, tỉnh B. Do đó căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh B.

- Bị đơn chị Giàng Thị S đã được tòa án tổng đạt, niên yết văn bản triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn anh Hằng A C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh C và chị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, chị S đã bỏ nhà đi khỏi nơi cư trú không còn chung sống với anh C nữa, thì thoảng mới gọi điện về hỏi thăm gia đình và các con. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị S đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh C, xử cho anh C được ly hôn với chị S.

[3] Về con chung: Nay chị S đã đi khỏi nơi cư trú; các con hiện đang ở với anh C, anh C có đủ mọi điều kiện để chăm sóc, giáo dục; tại biên bản lấy lời khai đối với cháu Hằng Thị S thì nếu bố mẹ ly hôn cháu S có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các con Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh C xử để anh C được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Hằng Thị S và Hằng A C, chị S không phải cấp dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: anh C không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn anh Hằng A C là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Chú.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hảng A C, xử cho anh C được ly hôn chị Giàng Thị S.

2. Về con chung: Giao cho anh Hảng A C trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hảng A C sinh ngày 04/4/2016 và Hảng Thị S sinh ngày 29/11/2014. Chị S không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hảng A C.

4. Về quyền kháng cáo: anh Hảng A C và chị Giàng Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lý A Hờ**